

Số: 0344.NT-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2026

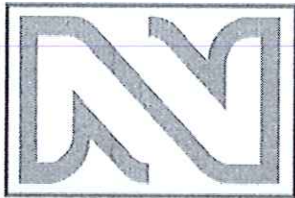
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
Địa chỉ : Lầu 7, Tòa nhà PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : **TRỤ SỞ CHI NHÁNH PV GAS D VÀ PV GAS S TẠI VŨNG TÀU**
61B, đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam (Tòa nhà Gas Tower)
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Khách gửi mẫu, Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 08/10/2026
Mã số mẫu : 26.0344.NT1
Thông tin lấy mẫu : Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải vào cống thoát nước chung của thành phố trước địa chỉ số 61B, đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam (Tọa độ: 1148143 - 427861)
Ngày phân tích mẫu : 09/10/2026 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp thực hiện
1.	pH (25,3°C)	-	6,16	5,5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023(*)
2.	TDS	mg/L	201	1.200	HD-ĐN-N03(*)
3.	TSS	mg/L	38,4	100	TCVN 6625:2000
4.	BOD ₅	mg/L	15,2	60	TCVN 6001-1:2021
5.	Nitrat (tính theo N)	mg/L	0,381	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023
6.	Amoni (tính theo N)	mg/L	6,56	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
7.	Sulfua	mg/L	KPH (LOD=0,04)	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn

Số: 0344.NT-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp thực hiện
8.	Phosphat (tính theo P)	mg/L	0,465	12	SMEWW 4500-P.E:2023
9.	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH (LOD=1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
10.	CHĐBM anion	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	12	SMEWW 5540B&C:2023
11.	Coliform	MPN/ 100mL	4.600	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

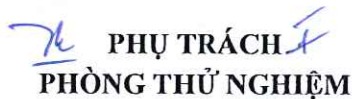
Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

1. Phòng thí nghiệm đã được Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS 314)

2. Phòng thí nghiệm đã đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

(^o): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện


PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM


Nguyễn Trần Minh Toàn


KT. GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hùng

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017